



xiōng rén

匈人

noun · Huns (historical nomadic people)

Example Sentences

Xiōng rén céng rù qīn Ōu zhōu

匈人曾入侵欧洲。

The Huns once invaded Europe.

Ā tí lā shì Xiōng rén zuì zhù míng de lǐng xiù

阿提拉是匈人最著名的领袖。

Attila was the most famous leader of the Huns.

lì shǐ xué jiā duì xiōng rén de qǐ yuán réng yǒu bù tóng kàn fǎ

历史学家对匈人的起源仍有不同看法。

Historians still have different views on the origin of the Huns.

Trace each character, then write the word on your own.

匈 匈 匈 匈 匈 匈 匈 匈 匈

人 人 人 人 人